

**BỆNH VIỆN ĐA KHOA
GOLD STAR**

**PHỤ LỤC IV: GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT THỰC HIỆN BẢNG PHƯƠNG PHÁP VÔ CẢM GÂY TÊ
CHƯA BAO GỒM THUỐC VÀ OXY SỬ DỤNG TRONG DỊCH VỤ**
(Kèm theo Quyết định số: 1612-24/QĐ-GST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của
Giám đốc Bệnh viện đa khoa Gold Star)

STT	Mã tương đương	ID	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân Loại PTTT	Đơn giá BHYT	Đơn giá Yêu cầu	Ghi chú
I	Danh mục do quỹ BHYT thanh toán							
1	03.3083.0576_GT		Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu [gây tê]	P3	2,149,000		
2	03.3327.0459_GT		Phẫu thuật viêm ruột thừa	Phẫu thuật viêm ruột thừa [gây tê]	P2	2,277,400		
3	03.3332.0493_GT		Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa [gây tê]	P3	2,432,400		
4	03.3400.0632_GT		Lấy máu tụ tầng sinh môn	Lấy máu tụ tầng sinh môn [gây tê]	P3	1,959,100		
5	03.3601.0435_GT		Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn [gây]	P1	2,035,200		
6	03.3607.0435_GT		Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn [gây tê]	P1	2,035,200		
7	03.3685.0571_GT		Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu [gây tê]	P3	2,493,700		
8	03.3686.0571_GT		Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay [gây tê]	P2	2,493,700		
9	03.3687.0571_GT		Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu [gây tê]	P3	2,493,700		
10	03.3710.0571_GT		Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa [gây tê]	P3	2,493,700		
11	03.3711.0571_GT		Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay [gây tê]	P2	2,493,700		
12	03.3755.0534_GT		Tháo khớp gối	Tháo khớp gối [gây tê]	P2	3,175,400		
13	07.0220.1144_GT		Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường [gây tê]	P3	2,092,800		
14	10.0001.0577_GT		Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp [gây tê]	PDB	4,304,000		
15	10.0152.0410_GT		Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi [gây tê]	P2	1,696,400		
16	10.0306.0421_GT		Lấy sỏi san hô thận	Lấy sỏi san hô thận [gây tê]	P1	3,546,600		
17	10.0325.0421_GT		Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần [gây tê]	P2	3,546,600		
18	10.0327.0421_GT		Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang [gây tê]	P1	3,546,600		
19	10.0355.0421_GT		Lấy sỏi bàng quang	Lấy sỏi bàng quang [gây tê]	P2	3,546,600		
20	10.0375.0432_GT		Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu [gây tê]	P1	4,228,900		
21	10.0376.0432_GT		Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang [gây tê]	P1	4,228,900		
22	10.0386.0435_GT		Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ [gây tê]	P2	2,035,200		
23	10.0394.0435_GT		Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ [gây tê]	P1	2,035,200		
24	10.0406.0435_GT		Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn [gây tê]	P3	2,035,200		
25	10.0407.0435_GT		Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn [gây]	P2	2,035,200		
26	10.0453.0464_GT		Nội vị tràng	Nội vị tràng [gây tê]	P3	2,367,100		Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
27	10.0475.0459_GT		Khâu túi thừa tá tràng	Khâu túi thừa tá tràng [gây tê]	P1	2,277,400		
28	10.0506.0459_GT		Cắt ruột thừa đơn thuần	Cắt ruột thừa đơn thuần [gây tê]	P2	2,277,400		
29	10.0507.0459_GT		Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng [gây tê]	P2	2,277,400		
30	10.0509.0493_GT		Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa [gây tê]	P2	2,432,400		
31	10.0510.0459_GT		Các phẫu thuật ruột thừa khác	Các phẫu thuật ruột thừa khác [gây]	P2	2,277,400		
32	10.0569.0624_GT		Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn [gây tê]	P1	1,569,000		
33	10.0571.0632_GT		Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản [gây tê]	P2	1,959,100		
34	10.0572.0577_GT		Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp [gây tê]	P1	4,304,000		
35	10.0616.0493_GT		Dẫn lưu áp xe gan	Dẫn lưu áp xe gan [gây tê]	P1	2,432,400		
36	10.0698.0628_GT		Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ [gây tê]	P1	2,104,300		
37	10.0716.0551_GT		Phẫu thuật tháo khớp vai	Phẫu thuật tháo khớp vai [gây tê]	P1	2,390,200		
38	10.0807.0577_GT		Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động [gây tê]	P2	4,304,000		
39	10.0808.0577_GT		Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động [gây tê]	P1	4,304,000		

STT	Mã tương đương	ID	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân Loại PTTT	Đơn giá BHYT	Đơn giá Yêu cầu	Ghi chú
40	10.0847.0551_GT		Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay [gây tê]	P1	2,390,200		
41	10.0851.0571_GT		Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay [gây tê]	P1	2,493,700		
42	10.0859.0571_GT		Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay [gây tê]	P1	2,493,700		
43	10.0861.0577_GT		Thương tích bàn tay phức tạp	Thương tích bàn tay phức tạp [gây tê]	P1	4,304,000		
44	10.0862.0571_GT		Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón [gây tê]	P2	2,493,700		
45	10.0863.0534_GT		Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay [gây tê]	P2	3,175,400		
46	10.0874.0571_GT		Cụt chân thương cổ và bàn chân	Cụt chân thương cổ và bàn chân [gây tê]	P2	2,493,700		
47	10.0942.0534_GT		Phẫu thuật cắt cụt chi	Phẫu thuật cắt cụt chi [gây tê]	P2	3,175,400		
48	10.0943.0534_GT		Phẫu thuật tháo khớp chi	Phẫu thuật tháo khớp chi [gây tê]	P2	3,175,400		
49	10.0947.0571_GT		Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm [gây tê]	P2	2,493,700		
50	10.0952.0571_GT		Phẫu thuật sửa móm cụt chi	Phẫu thuật sửa móm cụt chi [gây tê]	P2	2,493,700		
51	10.0953.0571_GT		Phẫu thuật sửa móm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Phẫu thuật sửa móm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón) [gây tê]	P2	2,493,700		
52	10.0954.0576_GT		Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu [gây tê]	P2	2,149,000		
53	10.0955.0577_GT		Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp [gây tê]	P1	4,304,000		
54	10.0979.0571_GT		Phẫu thuật viêm xương	Phẫu thuật viêm xương [gây tê]	P2	2,493,700		
55	10.0980.0571_GT		Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết [gây tê]	P1	2,493,700		
56	10.0983.0551_GT		Phẫu thuật vết thương khớp	Phẫu thuật vết thương khớp [gây tê]	P2	2,390,200		
57	11.0103.1114_GT		Cắt sẹo khâu kín	Cắt sẹo khâu kín [gây tê]	P2	2,389,900		
58	12.0267.0653_GT		Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính [gây tê]	P2	2,595,700		
59	12.0278.0655_GT		Cắt polyp cổ tử cung	Cắt polyp cổ tử cung [gây tê]	P3	1,535,600		
60	12.0291.0681_GT		Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng [gây tê]	P1	3,536,400		
61	12.0305.0593_GT		Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần [gây tê]	P1	2,249,700		
62	12.0306.0597_GT		Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo [gây tê]	P2	1,716,500		
63	12.0323.0653_GT		Phẫu thuật phi đại tuyến vú nam	Phẫu thuật phi đại tuyến vú nam [gây tê]	P2	2,595,700		
64	13.0070.0681_GT		Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần [gây tê]	P1	3,536,400		
65	13.0071.0679_GT		Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung [gây tê]	P2	2,872,900		
66	13.0074.0686_GT		Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng [gây tê]	P1	3,888,600		
67	13.0075.0668_GT		Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung [gây tê]	P2	2,782,400		
68	13.0107.0704_GT		Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới) [gây tê]	P1	5,840,100		
69	13.0108.0705_GT		Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới) [gây tê]	P2	3,501,900		
70	13.0109.0662_GT		Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo [gây tê]	P2	2,212,300		
71	13.0110.0651_GT		Phẫu thuật cắt âm vật phi đại	Phẫu thuật cắt âm vật phi đại [gây tê]	P2	2,177,000		
72	13.0111.0656_GT		Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ [gây tê]	P2	2,260,800		
73	13.0112.0669_GT		Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp [gây tê]	P2	2,538,800		
74	13.0115.0650_GT		Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng [gây tê]	P2	2,407,800		
75	13.0116.0663_GT		Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn [gây tê]	P1	3,456,900		
76	13.0120.0616_GT		Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục [gây tê]	P1	3,636,100		
77	13.0121.0688_GT		Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc [gây tê]	P1	5,155,200		
78	13.0124.0688_GT		Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung [gây tê]	P1	5,155,200		
79	13.0125.0688_GT		Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung [gây tê]	P1	5,155,200		
80	13.0126.0688_GT		Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung [gây tê]	P1	5,155,200		

STT	Mã tương đương	ID	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân Loại PTTT	Đơn giá BHYT	Đơn giá Yêu cầu	Ghi chú
81	13.0136.0628_GT		Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa [gây tê]	P3	2,104,300		
82	13.0147.0597_GT		Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo [gây tê]	P3	1,716,500		
83	13.0149.0624_GT		Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo [gây tê]	P3	1,569,000		
84	13.0172.0653_GT		Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú [gây tê]	P2	2,595,700		
85	13.0174.0653_GT		Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính [gây tê]	P2	2,595,700		
86	13.0176.0592_GT		Cắt âm hộ + vét hạch bên hai bên	Cắt âm hộ + vét hạch bên hai bên [gây tê]	P1	3,387,300		
87	13.0177.0593_GT		Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần [gây tê]	P2	2,249,700		
88	13.0222.0631_GT		Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ [gây tê]	P2	2,455,100		
89	13.0224.0631_GT		Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ [gây tê]	P2	2,455,100		
90	13.0240.0631_GT		Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ [gây tê]	P2	2,455,100		
91	20.0098.0637_GT		Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán [gây tê]	P2	2,421,600		
92	03.3377.0494_GT		Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản [gây tê]	P2	2,276,400		
93	03.3378.0494_GT		Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ [gây tê]	P2	2,276,400		
94	03.3379.0494_GT		Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ [gây tê]	P2	2,276,400		
95	03.3401.0492_GT		Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường [gây tê]	P3	2,816,800		
96	03.3402.0491_GT		Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò [gây tê]	P3	2,276,100		
97	03.3819.0559_GT		Nối gân duỗi	Nối gân duỗi [gây tê]	P2	2,604,700		
98	10.0319.0436_GT		Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận [gây tê]	P1	1,475,400		
99	10.0356.0436_GT		Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang [gây]	P2	1,475,400		
100	10.0357.0436_GT		Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius [gây]	P2	1,475,400		
101	10.0371.0436_GT		Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu [gây tê]	P1	1,475,400		
102	10.0372.0436_GT		Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt [gây]	P2	1,475,400		
103	10.0378.0436_GT		Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo [gây tê]	P2	1,475,400		
104	10.0403.0436_GT		Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật [gây tê]	P1	1,475,400		
105	10.0416.0491_GT		Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày [gây tê]	P3	2,276,100		
106	10.0451.0491_GT		Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò [gây tê]	P3	2,276,100		
107	10.0452.0491_GT		Mở bụng thăm dò, sinh thiết	Mở bụng thăm dò, sinh thiết [gây tê]	P3	2,276,100		
108	10.0479.0491_GT		Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng [gây tê]	P3	2,276,100		
109	10.0511.0491_GT		Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng [gây tê]	P2	2,276,100		
110	10.0524.0491_GT		Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo [gây tê]	P2	2,276,100		
111	10.0525.0491_GT		Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo [gây tê]	P2	2,276,100		
112	10.0547.0494_GT		Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ [gây tê]	P2	2,276,400		
113	10.0548.0494_GT		Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch [gây tê]	P3	2,276,400		
114	10.0549.0494_GT		Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson) [gây tê]	P2	2,276,400		
115	10.0550.0494_GT		Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ [gây tê]	P2	2,276,400		
116	10.0551.0494_GT		Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng [gây]	P1	2,276,400		
117	10.0554.0494_GT		Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD) [gây tê]	P2	2,276,400		
118	10.0555.0494_GT		Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản [gây tê]	P2	2,276,400		
119	10.0556.0494_GT		Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp [gây tê]	P1	2,276,400		
120	10.0557.0494_GT		Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản [gây tê]	P2	2,276,400		
121	10.0638.0464_GT		Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật [gây tê]	P1	2,367,100		
122	10.0679.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini [gây tê]	P2	2,816,800		
123	10.0680.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice [gây tê]	P2	2,816,800		
124	10.0681.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice [gây tê]	P2	2,816,800		

STT	Mã tương đương	ID	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân Loại PTTT	Đơn giá BHYT	Đơn giá Yêu cầu	Ghi chú
125	10.0682.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein [gây tê]	P2	2,816,800		
126	10.0683.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát [gây tê]	P1	2,816,800		
127	10.0685.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi [gây tê]	P2	2,816,800		
128	10.0686.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng [gây tê]	P1	2,816,800		
129	10.0687.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác [gây tê]	P1	2,816,800		
130	10.0701.0491_GT		Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu [gây tê]	P1	2,276,100		
131	10.0748.0559_GT		Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn - ngón tay	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn - ngón tay [gây tê]	P1	2,604,700		
132	10.0749.0559_GT		Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay [gây tê]	P1	2,604,700		
133	10.0750.0559_GT		Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay [gây tê]	P1	2,604,700		
134	10.0751.0559_GT		Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay [gây tê]	P1	2,604,700		
135	10.0752.0559_GT		Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II) [gây tê]	PDB	2,604,700		
136	10.0774.0559_GT		Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè [gây tê]	P1	2,604,700		
137	10.0810.0559_GT		Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi [gây tê]	P1	2,604,700		
138	10.0811.0559_GT		Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp [gây tê]	P1	2,604,700		
139	10.0839.0559_GT		Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V [gây tê]	P1	2,604,700		
140	10.0840.0559_GT		Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II [gây tê]	PDB	2,604,700		
141	10.0842.0559_GT		Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi [gây tê]	P1	2,604,700		
142	10.0857.0550_GT		Chỉnh hình bệnh cơ rút nhị đầu và cơ cánh tay trước	Chỉnh hình bệnh cơ rút nhị đầu và cơ cánh tay trước [gây tê]	P2	3,184,700		
143	10.0877.0559_GT		Phẫu thuật tổn thương gân Achilles	Phẫu thuật tổn thương gân Achilles [gây tê]	P1	2,604,700		
144	10.0882.0559_GT		Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu [gây tê]	P1	2,604,700		
145	10.0883.0559_GT		Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè [gây tê]	P1	2,604,700		
146	10.0885.0559_GT		Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles [gây tê]	P1	2,604,700		
147	15.0034.0997_GT		Vá nhĩ đơn thuần	Vá nhĩ đơn thuần [gây tê]	P2	3,204,200		
148	03.3599.0492_GT		Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên [gây tê]	P2	2,816,800		Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
149	10.0492.0493_GT		Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng [gây tê]	P1	2,432,400		
150	10.0508.0459_GT		Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe [gây tê]	P2	2,277,400		
151	10.0561.0494_GT		Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h)	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ) [gây tê]	P2	2,276,400		Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
152	10.0684.0492_GT		Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên [gây tê]	P1	2,816,800		Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
153	10.0734.0548_GT		Phẫu thuật kết hợp xương gãy móm khuỷu	Phẫu thuật KHX gãy móm khuỷu	P1	3,577,600		Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
154	10.0735.0548_GT		Phẫu thuật kết hợp xương gãy móm khuỷu phức tạp	Phẫu thuật KHX gãy móm khuỷu phức tạp	P1	3,577,600		Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
155	10.0772.0548_GT		Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè	P2	3,577,600		Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
156	10.0773.0548_GT		Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	P1	3,577,600		Chưa bao gồm kim hoặc đinh.

STT	Mã tương đương	ID	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân Loại PTTT	Đơn giá BHYT	Đơn giá Yêu cầu	Ghi chú
157	10.0843.0550_GT		Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng [gây tê]	P2	3,184,700		Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cổ định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
158	10.0909.0548_GT		Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	P2	3,577,600		Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
159	12.0280.0683_GT		Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn [gây tê]	P2	2,651,700		
160	12.0281.0683_GT		Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng [gây tê]	P2	2,651,700		
161	12.0283.0683_GT		Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ [gây tê]	P2	2,651,700		
162	12.0284.0683_GT		Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ [gây tê]	P2	2,651,700		
163	12.0299.0683_GT		Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai [gây tê]	P1	2,651,700		
164	13.0072.0683_GT		Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ [gây tê]	P2	2,651,700		
165	13.0092.0683_GT		Phẫu thuật chứa ngoài tử cung không có choáng	Phẫu thuật chứa ngoài tử cung không có choáng [gây tê]	P2	2,651,700		
166	13.0117.0595_GT		Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng [gây tê]	P1	3,767,500		
167	13.0118.0595_GT		Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo [gây tê]	P1	3,767,500		
168	13.0122.0688_GT		Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung [gây tê]	P1	5,155,200		
169	13.0123.0654_GT		Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo) [gây tê]	P1	3,329,000		
170	13.0132.0685_GT		Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa [gây tê]	P2	2,478,500		
171	13.0143.0655_GT		Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung [gây tê]	P3	1,535,600		
172	15.0035.0971_GT		Phẫu thuật và nhĩ bằng nội soi	Phẫu thuật và nhĩ bằng nội soi	P2	2,976,800		Đã bao gồm chi phí mũi khoan
173	15.0048.0971_GT	6074	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Đặt ống thông khí màng nhĩ	P3	2,976,800	4,080,000	
174	15.0049.0971_GT		Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	P3	2,976,800		
175	15.0300.0955_GT		Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	P3	1,570,700		
176	10.0476.0459_GT		Cắt túi thừa tá tràng	Cắt túi thừa tá tràng [gây tê]	P1	2,277,400		Chưa bao gồm thuốc và oxy